TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 608/2018/DS-PT
Ngày: 21/6/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự – Đòi nhà

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hồng Loan

Các Thẩm phán: Bà Châu Kim Anh
Ông Nguyễn Minh Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Thanh Hồng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Phan Văn Kiền – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2018/TLPT-DS ngày 01/3/2018 về: "Tranh chấp hợp đồng dân sự - Đòi nhà".

Do Bản án số 27/2018/DSST ngày 18/01/2018 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2148/2018/QĐPT-DS ngày 14/5/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 3961/2018/QĐ- PT ngày 30/5/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4249/2018/QĐ-PT ngày 11/6/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Xây lắp M
Trụ sở: Số 69 đường X, phường K, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Huy T, sinh năm 1995, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 19/9/2017)
Địa chỉ: Phường B, thị xã A, tỉnh Bình Dương
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lưu Thị Quỳnh T thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Mạnh T
Địa chỉ: Số 69 đường X, phường K, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Trương Thị H – Văn phòng Luật sư Trương Thị Hòa thuộc Đoàn Luật sư Thành phố

Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thùy M

Địa chỉ: Số 69 đường X, phường K, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh

- Trẻ Nguyễn Hải A, sinh ngày 11/3/2009

Địa chỉ: Số 69 đường X, phường K, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh

Người giám hộ hợp pháp của trẻ Hải A: Ông Nguyễn Văn M, là cha của trẻ Hải A.

Địa chỉ: Số 195 đường L, phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Mạnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty Cổ phần Xây lắp M do ông Nguyễn Huy T là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Căn nhà số 69 đường X, phường K, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc là tài sản cố định của Công ty Xây lắp Miền Nam – Bộ Lương thực (cũ) đã được sáp nhập vào Liên hiệp các Xí nghiệp Xây lắp Nông nghiệp – Công nghiệp Thực phẩm từ cuối năm 1987. Cuối năm 1991, Bộ Nông nghiệp – Công nghiệp Thực phẩm và Bộ Tài chính đã giao vốn kinh doanh cho Xí nghiệp Xây lắp 1 nay là Công ty Cổ phần Xây lắp M, trong đó có vốn cố định là căn nhà số 69 đường X, phường K, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh đang làm trụ sở văn phòng Công ty.

Năm 2000, do ông Nguyễn Mạnh T là bảo vệ của Công ty Xây lắp M, có hoàn cảnh khó khăn nên Ban lãnh đạo Công ty đã sắp xếp một phòng làm việc diện tích 33m^2 tại tầng trệt, có lối đi bên hông cho ông T ở tạm. Năm 2004, Công ty Xây lắp M cổ phần hóa do nhu cầu sử dụng và tòa nhà đang xuống cấp trầm trọng, Công ty đã nhiều lần đề nghị ông T trả lại phòng để tiến hành sửa chữa, nhưng ông T không hợp tác và còn làm đơn yêu cầu Cơ quan Quản lý Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở phần diện tích đang sử dụng cho ông T.

Công ty Cổ phần Xây lắp M yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông Nguyễn Mạnh T trả lại diện tích 33m^2 đang sử dụng tại trụ sở văn phòng Công ty số 69 đường X, phường K, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Cổ phần Xây lắp M đồng ý hỗ trợ cho ông T 700.000.000 đồng để tìm chỗ ở mới.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty Cổ phần Xây lắp M tự nguyện hỗ trợ thêm cho ông T 300.000.000 đồng để tìm chỗ ở mới nếu ông T đồng ý dọn đi vào cuối tháng 02/2018.

Bị đơn ông Nguyễn Mạnh T trình bày: Năm 1985, ông từ Quân đoàn 4 chuyển ngành đến Công ty Cung ứng và Xây lắp Miền Nam thuộc Bộ Lương

thực làm công tác thanh tra. Năm 1988, ông được cấp căn nhà mặt tiền số 12 đường L, Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích 85m^2. Do căn nhà này quá xuống cấp nên ông đã phải đầu tư tiền và công sức mới ở được. Năm 1989, ông đi hợp tác lao động tại Bun-ga-ri nhưng do không đủ sức khỏe nên sau 02 năm ông phải về nước. Trong thời gian ông đi Bun-ga-ri, Xí nghiệp Xây lắp 1 nay là Công ty Cổ phần Xây lắp M đã lấy căn nhà số 12 đường L, Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh của ông cấp cho người khác. Vì thế, năm 1991, Xí nghiệp Xây lắp 1 đã phải trả cho ông 02 phòng ở giữa tầng trệt căn nhà số 69 đường X, phường K, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích 30m^2, mở cửa đi ra hẻm 73 đường X. Chỗ ở này chỉ bằng 1/3 diện tích căn nhà số 12 đường L của ông nhưng vì quá cần nơi ở, nên ông buộc phải chấp nhận và lại tiếp tục đầu tư tiền và công sức cho nơi đây. Khoảng năm 1999, do nhu cầu sắp xếp, bố trí lại các phòng làm việc, Công ty đã thương lượng với ông và ông đã đồng ý chuyển đến ở gian cuối cùng tại tầng trệt nhà số 69 đường X, có diện tích 33m^2. Hiện nay, ông đã cải tạo, sửa chữa diện tích này thành hai phòng ở, hai nhà vệ sinh, ông không yêu cầu Công ty Cổ phần Xây lắp M phải trả lại cho ông số tiền cải tạo, sửa chữa nhà.

Ông T không đồng ý trả nhà theo yêu cầu của Công ty Cổ phần Xây lắp M; nếu Công ty muốn sử dụng phần diện tích ông đang ở, thì phải bồi thường cho ông một căn nhà khác có giá trị và vị trí tương đương chỗ ở hiện tại hoặc bồi thường cho ông theo giá nhà và đất giao dịch trên thị trường tự do tại hẻm 69 - 73 đường X, Quận N. Đây là ý kiến ông nêu ra để Công ty thương lượng, không phải là yêu cầu phản tố của ông.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T vẫn giữ nguyên quan điểm là nếu Công ty muốn lấy lại nhà thì bồi thường cho ông căn nhà có diện tích và vị trí tương đương.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thùy M trình bày: Bà đồng ý với ý kiến của cha bà là ông Nguyễn Mạnh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trẻ Nguyễn Hải A có cha là ông Nguyễn Văn M người đại diện theo pháp luật trình bày: Do vợ chồng ông chưa có chỗ ở ổn định nên con trai ông là Nguyễn Hải A đăng ký hộ khẩu thường trú cùng sổ hộ khẩu với ông Nguyễn Mạnh T là anh ruột của ông. Vợ chồng ông và con trai không có đóng góp gì trong việc kiến tạo căn nhà nên vợ chồng ông xin không tham gia các phiên hòa giải và xét xử của vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 27/2018/DS-ST ngày 18/01/2018 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần Xây lắp M;

Buộc ông Nguyễn Mạnh T trả lại cho Công ty Cổ phần Xây lắp M, phần diện tích 33m^2 ông T đang sử dụng tại tầng trệt căn nhà số 69 đường X, phường K, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Khi ông T trả phần diện tích trên cho Công ty Cổ phần Xây lắp M, mà bà Nguyễn Thùy M và trẻ Nguyễn Hải A đang ở tại đây, thì bà M và trẻ Hải A có cha là ông Nguyễn Văn M người đại diện theo pháp luật, có trách nhiệm dọn đi nơi khác để trả nhà cho Công ty Cổ phần Xây lắp M.

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Cổ phần Xây lắp M hỗ trợ cho ông Nguyễn Mạnh T số tiền 700.000.000 đồng để tìm chỗ ở mới.

2. Ông Nguyễn Mạnh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng. Hoàn lại cho Công ty Cổ phần Xây lắp M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0004739 ngày 23/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 20/01/2018, bị đơn ông Nguyễn Mạnh T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Năm 1988 ông về làm việc tại Xí nghiệp Xây lắp 1 và được Xí nghiệp cấp cho căn nhà số 12 đường L, Phường C, quận T. Sau đó ông đi hợp tác lao động, Xí nghiệp Xây lắp 1 đã lấy lại căn nhà cấp cho người khác. Năm 1990 do không bảo đảm sức khỏe để làm việc nên ông về nước và được Xí nghiệp đền bù cho 02 căn phòng có diện tích khoảng 30m^2 ở giữa phía bên hông nhà 69 đường X, sau đó thương lượng lại cấp cho ông gian cuối tầng trệt, diện tích khoảng 33m^2. Căn nhà 69 đường X là tài sản của nhà nước nên Công ty Cổ phần Xây lắp M không có quyền đòi tài sản mà không thuộc về Công ty. Ông yêu cầu được cấp chủ quyền cho chỗ ở hiện tại. Nếu Công ty muốn sử dụng phần diện tích ông đang ở thì phải mua trả cho ông căn nhà khác có diện tích và vị trí tương đương.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Công ty Cổ phần Xây lắp M và ông Nguyễn Mạnh T đã thỏa thuận được với nhau về cách giải quyết vụ án như sau: Ông Nguyễn Mạnh T trả lại toàn bộ phần diện tích 33m^2 mà ông T đang sử dụng tại tầng trệt căn nhà số 69 đường X, phường K, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty Cổ phần Xây lắp M. Công ty Cổ phần Xây lắp M hỗ trợ cho ông Nguyễn Mạnh T số tiền là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) để tạo dựng chỗ ở mới, nhằm ổn định cuộc sống. Hai bên thực hiện việc giao nhận ngay trong ngày 21/6/2018 (đã tự giao nhận xong).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn - Luật sư Lưu Thị Quỳnh T phát biểu ý kiến: Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về cách giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn - Luật sư Trương Thị H phát biểu ý kiến: Do các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về cách giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự cũng được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về cách giải quyết vụ án, theo đó ông T giao trả phần nhà có diện tích 33m^2 mà ông T đang sử dụng tại tầng trệt căn nhà số 69 đường X, phường K, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh lại cho Công ty Cổ phần Xây lắp M, phía Công ty Cổ phần Xây lắp M hỗ trợ cho ông Nguyễn Mạnh T số tiền là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng). Các bên xác định đã tự giao nhận xong. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện và không trái pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về nguồn gốc pháp lý của căn nhà số 69 đường X, phường K, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh:

Ngày 12/9/1981, Sở Quản lý Nhà đất và Công trình công cộng có Quyết định số 1978/QĐ/6 về việc mua bán nhà số 69 đường D, Quận N. Tại Điều 1 của Quyết định có nêu: "Nay giao Công ty Quản lý nhà đứng ra mua nhà số 69 đường D, Phường B, Quận N của bà Bùi Sen Đ và giao căn nhà trên cho Công ty Xây lắp Miền Nam (thuộc Bộ lương thực) để làm trụ sở làm việc".

Ngày 15/9/1981, Công ty Quản lý Nhà Thành phố (bên bán) và Công ty Cung ứng Xây lắp Miền Nam (bên mua) ký Giấy mua bán nhà số 69 đường D (nay là đường X), Phường B, Quận N.

Ngày 19/9/1987, Công ty Cung ứng Xây lắp Miền Nam có Quyết định số 3083/HCNS giao cho Xí nghiệp Xây lắp 1 sử dụng tầng trệt và lầu 2 nhà số 69 đường X để làm văn phòng.

Ngày 20/12/2000, Công ty Xây lắp M có Quyết định số 478/XL1- QĐ tạm giao cho ông Nguyễn Mạnh T là công nhân viên của Công ty được sử dụng gian cuối tầng trệt nhà 69 đường X, phường K, Quận N có diện tích 3m x 11m = 33m^2.

Ngày 03/12/2004, Tổng Công ty Xây dựng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn có công văn số 1024 TCTXD/TCKT xác nhận căn nhà số 69

đường X, Quận Nđược mua bằng vốn tự có của đơn vị, ngân sách nhà nước không cấp để mua căn nhà này.

Ngày 30/8/2004, Cục Tài chính Doanh nghiệp có công văn số 382/TCDN/NV3 xác nhận căn nhà số 69 đường X, Quận N(trụ sở của Công ty Xây lắp 1) thuộc quyền sở hữu của Công ty Xây lắp M.

Ngày 09/12/2004 Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã có Quyết định số 4452/QĐ/BNN-TCCB về việc chuyển Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xây lắp M thành Công ty Cổ phần tên gọi là Công ty Cổ phần Xây lắp M. Theo nội dung Biên bản xác nhận giá trị doanh nghiệp Công ty Xây lắp M thuộc Tổng Công ty Xây dựng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tại thời điểm 31/12/2003 của Hội đồng xác định giá trị Doanh nghiệp ngày 27/11/2004 thì giá trị tài sản trên đất tại số 69 đường X, phường K, Quận N đã được xác định vào giá trị Doanh nghiệp khi cổ phần hóa (giá trị quyền sử dụng đất chưa tính vào giá trị doanh nghiệp). Theo công văn số 9962/STC-BVG ngày 96/10/2009 thì Công ty Cổ phần Xây lắp M phải liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường để tiến hành các thủ tục giao đất theo Quyết định số 19/2008/QĐ-UBND ngày 21/3/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Như vậy, căn nhà số 69 đường X do Công ty Xây lắp Miền Nam ký Giấy mua của Công ty Quản lý Nhà Thành phố và sau đó giao cho Xí nghiệp Xây lắp 1 làm trụ sở văn phòng. Việc ông T được ở tại một phòng cuối của tầng trệt thuộc nhà số 69 đường X, phường K, Quận N, có diện tích 33m^2 là do Giám đốc Công ty Xây Lắp M tạm giao theo Quyết định số 478/XL1-QĐ ngày 20/12/2000 để giải quyết nhu cầu chỗ ở. Đây là quan hệ giữa ông T và Công ty Xây lắp M, chứ không phải là việc ông T ở tại đây là được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp cho sử dụng. Nay Công ty Xây lắp M đã cổ phần hóa thành Công ty Cổ phần Xây lắp M, căn nhà đã được xác định vào giá trị tài sản doanh nghiệp nên yêu cầu của Công ty Cổ phần Xây lắp M đòi ông T trả lại phần diện tích nhà nêu trên là có cơ sở.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Công ty Cổ phần Xây lắp M và ông Nguyễn Mạnh T đã thỏa thuận được với nhau về cách giải quyết vụ án, theo đó ông T giao trả lại phần nhà có diện tích 33m^2 mà ông T đang sử dụng tại tầng trệt căn nhà số 69 đường X, phường K, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty Cổ phần Xây lắp M, phía Công ty Cổ phần Xây lắp M hỗ trợ cho ông Nguyễn Mạnh T số tiền là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng). Hai bên thực hiện việc giao nhà, giao tiền ngay trong ngày 21/6/2018. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm ông T phải chịu là 200.000 đồng.

Do công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa nên ông T phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 148, Điều 300, Khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

1. Tuyên xử: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Ông Nguyễn Mạnh T trả lại cho Công ty Cổ phần Xây lắp M phần diện tích 33m^2 đang sử dụng tại tầng trệt căn nhà số 69 đường X, phường K, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Khi ông T trả phần diện tích trên cho Công ty Cổ phần Xây lắp M thì những người trong gia đình của ông T gồm: Bà Nguyễn Thùy M và trẻ Nguyễn Hải A có cha là ông Nguyễn Văn M làm người giám hộ hợp pháp phải dọn đi nơi khác để trả nhà cho Công ty Cổ phần Xây lắp M.

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Cổ phần Xây lắp M hỗ trợ cho ông Nguyễn Mạnh T số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) để tìm chỗ ở mới.

Công ty Cổ phần Xây lắp 1 và ông Nguyễn Mạnh T thực hiện việc giao nhận nhà và tiền ngay trong ngày 21/6/2018.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Mạnh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng). Hoàn lại cho Công ty Cổ phần Xây lắp M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0004739 ngày 23/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Mạnh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà ông T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số AA/2017/0022651 ngày 29/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 1;
- TAND Quận 1;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT (T/20).

Phạm Hồng Loan